

# Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



## TeSys K contactor - 3P - AC-3 $\leq$ 440 V 16 A - 1 NO aux. - 110 V AC coil

LC1K1610F7

### Main

Range	TeSys
product or component type	Contactor
Device short name	LC1K
Device application	Control
contactor application	Motor control

### Complementary

Utilisation category	AC-3 AC-3e
poles description	3P
power pole contact composition	3 NO
[Ue] rated operational voltage	Power circuit: $\leq$ 690 V AC $\leq$ 400 Hz Signalling circuit: $\leq$ 690 V AC $\leq$ 400 Hz
[Ie] rated operational current	16 A (at $\leq$ 60 °C) at $\leq$ 440 V AC AC-3 for power circuit 16 A (at $\leq$ 60 °C) at $\leq$ 440 V AC AC-3e for power circuit
Control circuit type	AC at 50/60 Hz
[Uc] control circuit voltage	110 V AC 50/60 Hz
Motor power kW	4 kW at 220...230 V AC 50/60 Hz AC-3 7.5 kW at 380...415 V AC 50/60 Hz AC-3 5.5 kW at 440 V AC 50/60 Hz AC-3 4 kW at 690 V AC 50/60 Hz AC-3 4 kW at 220...230 V AC 50/60 Hz AC-3e 7.5 kW at 380...415 V AC 50/60 Hz AC-3e 5.5 kW at 440 V AC 50/60 Hz AC-3e 4 kW at 690 V AC 50/60 Hz AC-3e
Auxiliary contact composition	1 NO
[Uimp] rated impulse withstand voltage	8 kV
Overvoltage category	III
[Ith] conventional free air thermal current	20 A (at 60 °C) for power circuit 10 A (at 50 °C) for signalling circuit
Irms rated making capacity	160 A AC for power circuit conforming to IEC 60947 110 A AC for signalling circuit conforming to IEC 60947
Rated breaking capacity	110 A at 440 V conforming to IEC 60947 80 A at 500 V conforming to IEC 60947 70 A at 660...690 V conforming to IEC 60947

Miễn trừ trách nhiệm: Tài liệu này không nhằm thay thế và không được sử dụng để xác định tính phù hợp hoặc độ tin cậy của các sản phẩm này cho các ứng dụng người dùng cụ thể.

<b>[Icw] rated short-time withstand current</b>	115 A 50 °C - 1 s for power circuit 105 A 50 °C - 5 s for power circuit 100 A 50 °C - 10 s for power circuit 75 A 50 °C - 30 s for power circuit 55 A 50 °C - 1 min for power circuit 50 A 50 °C - 3 min for power circuit 25 A 50 °C - >= 15 min for power circuit 80 A - 1 s for signalling circuit 90 A - 500 ms for signalling circuit 110 A - 100 ms for signalling circuit
<b>Associated fuse rating</b>	25 A gG at <= 440 V for power circuit 25 A aM for power circuit 10 A gG for signalling circuit conforming to IEC 60947 10 A gG for signalling circuit conforming to VDE 0660
<b>Average impedance</b>	3 mOhm - lth 20 A 50 Hz for power circuit
<b>[Ui] rated insulation voltage</b>	Power circuit: 600 V conforming to UL 508 Power circuit: 690 V conforming to IEC 60947-4-1 Signalling circuit: 690 V conforming to IEC 60947-4-1 Signalling circuit: 690 V conforming to IEC 60947-5-1 Signalling circuit: 600 V conforming to UL 508 Power circuit: 600 V conforming to CSA C22.2 No 14 Signalling circuit: 600 V conforming to CSA C22.2 No 14
<b>Insulation resistance</b>	> 10 MOhm for signalling circuit
<b>Inrush power in VA</b>	30 VA (at 20 °C)
<b>Hold-in power consumption in VA</b>	4.5 VA (at 20 °C)
<b>Heat dissipation</b>	1.3 W
<b>Control circuit voltage limits</b>	Operational: 0.8...1.15 U <sub>c</sub> (at <50 °C) Drop-out: >= 0.20 U <sub>c</sub> (at <50 °C)
<b>Connections - terminals</b>	Screw clamp terminals 1 cable(s) 1.5...4 mm <sup>2</sup> solid Screw clamp terminals 1 cable(s) 0.75...4 mm <sup>2</sup> flexible without cable end Screw clamp terminals 1 cable(s) 0.34...2.5 mm <sup>2</sup> flexible with cable end Screw clamp terminals 2 cable(s) 1.5...4 mm <sup>2</sup> solid Screw clamp terminals 2 cable(s) 0.75...4 mm <sup>2</sup> flexible without cable end Screw clamp terminals 2 cable(s) 0.34...1.5 mm <sup>2</sup> flexible with cable end
<b>Maximum operating rate</b>	3600 cyc/h
<b>Auxiliary contacts type</b>	type instantaneous 1 NO
<b>Signalling circuit frequency</b>	<= 400 Hz
<b>Minimum switching current</b>	5 mA for signalling circuit
<b>Minimum switching voltage</b>	17 V for signalling circuit
<b>mounting support</b>	Rail Plate
<b>Tightening torque</b>	0.8...1.3 N.m - on screw clamp terminals Philips No 2 0.8...1.3 N.m - on screw clamp terminals flat Ø 6 mm 0.8...1.3 N.m - on screw clamp terminals pozidriv No 2
<b>Operating time</b>	10...20 ms coil de-energisation and NO opening 10...20 ms coil energisation and NO closing
<b>Safety reliability level</b>	B10d = 1369863 cycles contactor with nominal load conforming to EN/ISO 13849-1 B10d = 20000000 cycles contactor with mechanical load conforming to EN/ISO 13849-1
<b>Non overlap distance</b>	0.5 mm
<b>Mechanical durability</b>	10 Mcycles
<b>Electrical durability</b>	1.3 Mcycles 16 A AC-3 at U <sub>e</sub> <= 440 V 1.3 Mcycles 16 A AC-3e at U <sub>e</sub> <= 440 V

<b>Mechanical robustness</b>	Shocks contactor closed, on X axis: 10 Gn for 11 ms conforming to IEC 60068-2-27 Shocks contactor closed, on Y axis: 15 Gn for 11 ms conforming to IEC 60068-2-27 Shocks contactor closed, on Z axis: 15 Gn for 11 ms conforming to IEC 60068-2-27 Shocks contactor opened, on X axis: 6 Gn for 11 ms conforming to IEC 60068-2-27 Shocks contactor opened, on Y axis: 10 Gn for 11 ms conforming to IEC 60068-2-27 Shocks contactor opened, on Z axis: 10 Gn for 11 ms conforming to IEC 60068-2-27 Vibrations contactor closed: 4 Gn, 5...300 Hz conforming to IEC 60068-2-6 Vibrations contactor opened: 2 Gn, 5...300 Hz conforming to IEC 60068-2-6
<b>Height</b>	58 mm
<b>Width</b>	45 mm
<b>Depth</b>	57 mm
<b>net weight</b>	0.18 kg

## Environment

<b>Standards</b>	EN/IEC 60947-4-1 GB/T 14048.4 UL 60947-4-1 CSA C22.2 No 60947-4-1 JIS C8201-4-1
<b>Product certifications</b>	CB Scheme CCC UL CSA EAC CE UKCA
<b>IP degree of protection</b>	IP2X conforming to VDE 0106
<b>Protective treatment</b>	TC conforming to IEC 60068 TC conforming to DIN 50016
<b>Ambient air temperature for operation</b>	-25...50 °C
<b>Ambient air temperature for storage</b>	-50...80 °C
<b>Operating altitude</b>	2000 m without derating
<b>Flame retardance</b>	V1 conforming to UL 94

## Packing Units

<b>Unit Type of Package 1</b>	PCE
<b>Number of Units in Package 1</b>	1
<b>Package 1 Height</b>	4.500 cm
<b>Package 1 Width</b>	6.500 cm
<b>Package 1 Length</b>	6.500 cm
<b>Package 1 Weight</b>	180.000 g
<b>Unit Type of Package 2</b>	S02
<b>Number of Units in Package 2</b>	50
<b>Package 2 Height</b>	15.000 cm
<b>Package 2 Width</b>	30.000 cm
<b>Package 2 Length</b>	40.000 cm
<b>Package 2 Weight</b>	9.247 kg
<b>Unit Type of Package 3</b>	P06
<b>Number of Units in Package 3</b>	800
<b>Package 3 Height</b>	75.000 cm

---

Package 3 Width	80.000 cm
-----------------	-----------

---

Package 3 Length	60.000 cm
------------------	-----------

---

Package 3 Weight	155.952 kg
------------------	------------

## Contractual warranty

---

Warranty	18 months
----------	-----------

## Bền vững

Nhãn **Green Premium™** là cam kết của Schneider Electric trong việc cung cấp sản phẩm với hiệu suất môi trường tốt nhất. Green Premium cam kết tuân thủ các quy định mới nhất, minh bạch về tác động môi trường, cũng như các sản phẩm tuần hoàn và CO<sub>2</sub> thấp.

**Hướng dẫn đánh giá tính bền vững của sản phẩm** là tài liệu kỹ thuật phổ thông giúp làm rõ các tiêu chuẩn nhãn sinh thái toàn cầu và cách diễn giải việc khai báo môi trường.

[Tìm hiểu thêm về Green Premium >](#)

[Hướng dẫn đánh giá về sự bền vững của sản phẩm >](#)



Minh bạch **RoHS/REACH**

## Hiệu suất sức khỏe

Reach Free Of Svhc

Toxic Heavy Metal Free

Mercury Free

Rohs Exemption Information Yes

## Chứng nhận & Tiêu chuẩn

**Reach Regulation**

[REACH Declaration](#)

**Eu Rohs Directive**

Compliant

[EU RoHS Declaration](#)

**China Rohs Regulation**

[China RoHS declaration](#)

Pro-active China RoHS declaration (out of China RoHS legal scope)

**Environmental Disclosure**

[Product Environmental Profile](#)

**Weee**

The product must be disposed on European Union markets following specific waste collection and never end up in rubbish bins

**Circularity Profile**

[End of Life Information](#)